

# VX-4500/4600 Series

## Máy bộ đàm gắn xe VHF/UHF

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA SẢN PHẨM

## Tối ưu hóa cự ly liên lạc

Dòng bộ đàm gắn xe VX-4500/4600 được thiết kế với nhiều tính năng cải tiến và báo hiệu đa dạng giúp tăng cường tính linh hoạt trong liên lạc và nâng cao độ an toàn cho người sử dụng.

### Mở rộng Tính năng báo hiệu và An ninh

Cả hai dòng máy này đều tích hợp các báo hiệu 2 tone, 5 tone, MDC-1200® (cả bộ mã hóa/giải mã) giúp máy thực hiện các cuộc gọi đích danh.

Thông tin liên lạc được giữ bí mật nhờ máy có tích hợp Mã hóa đảo âm thoại. Trong trường hợp mất máy/xe, máy có thể Tạm ngừng/Hủy/khôi phục từ xa qua Báo hiệu 5-Tone đảm bảo chỉ những người được hệ thống cho phép mới nhận được thông tin gửi đến.

### Tăng cường chất lượng âm thanh

Máy được trang bị tính năng thông báo kênh bằng giọng nói giúp người sử dụng có thể vừa chuyển kênh vừa làm các công việc khác đồng thời.

VX-4500/4600 được trang bị tính năng VOX cho phép người sử dụng liên lạc thoại mà không cần phải nhấn nút PTT trên micro giúp liên lạc rảnh tay và thuận tiện.

Trong môi trường nhiều tiếng ồn, kích hoạt tính năng Clear Voice sẽ tăng khả năng truyền âm để đảm bảo thông điệp của bạn được truyền phát tốt. Ngoài ra, để đảm bảo máy không bị điều chỉnh ở mức âm lượng quá thấp, người sử dụng có thể lập trình giới hạn mức âm lượng tối thiểu cho máy.

Chế độ Nói thầm giúp nâng cao chất lượng âm thoại khi phải nói nhỏ để giữ bí mật nội dung liên lạc.

Ghi âm và lưu trữ cuộc gọi với dung lượng lên tới 120 giây giúp lưu giữ những thông điệp thoại quan trọng với thiết bị ghi âm tùy chọn DVS-8.

### Khi An toàn là yếu tố đặt lên hàng đầu

Giống như các sản phẩm bộ đàm cơ động Vertex Standard, VX-4500/4600 tích hợp tính năng Gọi Khẩn cấp (Emergency) giúp tăng cường độ an toàn cho người lái xe.

Người sử dụng bộ đàm có thể kích hoạt chế độ Hỗ trợ người sử dụng đơn lẻ (Lone Worker) khi tạm thời rời máy hoặc phương tiện. Nếu có vấn đề xảy ra trong lúc người sử dụng không có mặt, bộ đàm sẽ tự động chuyển sang chế độ Gọi Khẩn cấp để gửi thông điệp báo động.

Khi cần liên lạc liên tục, Hệ thống Phát đáp tự động cảnh báo cự ly liên lạc (ARTS™) độc đáo của Vertex Standard sẽ báo cho người sử dụng các thiết bị bộ đàm có cài đặt hệ thống ARTS™ khác cũng đang nằm trong cùng một vùng liên lạc.

### Quản lý dễ dàng với số lượng kênh/nhóm lớn

VX-4600 có 512 kênh/32 nhóm giúp dễ dàng quản lý các cuộc gọi khác nhau tại những nơi làm việc phức tạp nhất. Với những hoạt động có quy mô nhỏ hơn, khách hàng có thể chọn dòng máy VX-4500 hiển thị 8 kênh.

### Tương thích với chuẩn FCC về băng hẹp

Đáp ứng yêu cầu FCC Part 90 khi sử dụng các kênh ở dải tần 12.5 kHz tới ngày 1/1/2013.



VX-4600



VX-4500



### Các tính năng bổ sung:

- 6 phím có thể lập trình được
- Màn hiển thị 8 ký tự (VX-4600)
- Báo hiệu tăng cường tín hiệu RSSI (VX-4600)
- Nhấn tin DTMF
- DTMF ANI
- Quay số nhanh (VX-4600)
- Mã hóa và giải mã CTCSS/ DCS
- Các chức năng BCLO, BTLO và TOT
- Bộ nén giãn âm thoại
- Nhập kênh trực tiếp (VX-4600)
- Cài đặt âm lượng tối thiểu
- Talk Around
- Quét ưu tiên
- Quét ưu tiên kép
- Quét theo dõi kép
- Quét Follow-me
- Quét Talk Around
- Quét Talk back
- Quét chọn lọc
- Quét theo nhóm
- Tùy chỉnh mức ngưỡng thu
- Đầu nối phụ kiện D-sub 15 pin
- Public Address/ Còi báo động
- Sao chép thông số trực tiếp giữa các máy

### Phụ kiện

- MH-67A8J: Microphone tiêu chuẩn
- MH-75A8J: Microphone có bàn phím (16 phím)
- MD-12A8J: Microphone để bàn
- MLS-100: Loa ngoài, vuông, công suất 12W
- MLS-200: Loa ngoài, công suất 12W (sử dụng trong nhà/ngoài trời)
- FP-1023A: Nguồn cung cấp bên ngoài
- LF-6: Bộ lọc DC

### Bo mạch tùy chọn

- DVS-8: Thiết bị lưu âm thoại kỹ thuật số



### Sự khác biệt của Vertex Standard

Mục tiêu số một của chúng tôi là mang đến sự hài lòng tuyệt đối cho khách hàng qua việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ vượt trên cả sự mong đợi của bạn. Thêm một lý do khiến bạn hoàn toàn tin tưởng khi lựa chọn Vertex Standard vì các sản phẩm bộ đàm của hãng được chế tạo để vận hành lâu bền với thời hạn bảo hành lâu nhất trong ngành là 3 năm.

Vui lòng tham khảo thông tin chi tiết từ Nhà Phân phối.

### Các thông số kỹ thuật VX-4500/4600

	VHF	UHF
<b>Chỉ tiêu kỹ thuật chung</b>		
Dải tần số	134 - 174MHz	400 - 470 MHz 450 - 512 MHz
Số kênh và số nhóm	512 kênh với 32 Nhóm (VX-4600) 8 kênh (VX-4500)	
Điện áp nguồn	13.6 V DC ± 20%	
Độ giãn kênh	12.5 / 20 / 25 kHz	
Bước vòng khóa pha	1.25 / 2.5 / 5 / 6.25 kHz	5 / 6.25 kHz
Dòng tiêu thụ	TX: 1 I A, RX: 2.5 A, Chế độ chờ: 200 mA	
Dải nhiệt độ vận hành	-22° F đến +140° F (-30° C đến +60° C)	
Độ ổn định tần số	±2.5 ppm	
Trở kháng RF Vào-Ra	50 Ohms	
Kích cỡ (Rộng x Cao x Dày)	6.5" x 1.8" x 6.1" (165 x 45 x 155mm)	
Trọng lượng (ước tính)	1.25kg	
<b>Chỉ tiêu kỹ thuật máy thu: đo lường theo TIA/EIA-603</b>		
Độ nhạy 12dB SINAD	0.25 µV	
Độ chọn lọc kênh lân cận	75 dB / 70 dB	
Nhiều và tiếng ồn	45 dB / 40 dB	
Điều biến tương hỗ	75 dB	
Loại trừ tín hiệu giả và tần số ảnh	85 dB/80 dB	
Công suất âm thanh	Trong: 4 W @ 20 Ohms; Ngoài: 12 W @ 4 Ohms, <5% THD	
<b>Chỉ tiêu kỹ thuật máy phát: đo lường theo TIA/EIA-603</b>		
Công suất phát	50 / 25 / 12.5 / 5 W	45 / 25 / 12.5 / 5 W
Điều chế	16K0F3E, 11K0F3E	
Độ dịch tần tối đa	± 5.0 kHz / ± 2.5 kHz	
Nhiều và tiếng ồn	45 dB / 40 dB	
Độ méo âm tần	< 3 % @1 kHz	
Bức xạ tín hiệu giả được truyền dẫn	70dB dưới sóng mang	

### Đáp ứng các tiêu chuẩn quân sự (Đang hoàn thành thử nghiệm)

Tiêu chuẩn	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810C	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810D	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810E	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810F	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810G
Áp suất thấp	-	5002/Thủ tục I	5003/Thủ tục I	5004/Thủ tục I	5005/Thủ tục I
Nhiệt độ cao	501.1/Thủ tục I, II	501.2/Thủ tục I	501.3/Thủ tục I	501.4/Thủ tục I	501.5/Thủ tục I
Nhiệt độ thấp	502.1/Thủ tục I	502.2/Thủ tục I, II	502.3/Thủ tục I, II	502.4/Thủ tục I, II	502.5/Thủ tục I, II
Độ biến nhiệt độ	503.1/Thủ tục I	503.2/Thủ tục II	503.3/Thủ tục I	-	-
Bức xạ mặt trời	-	-	505.3/Thủ tục I	505.4/Thủ tục I	-
Mưa	506.1/Thủ tục II	506.2/Thủ tục II	506.3/Thủ tục II	506.4/Thủ tục III	506.5/Thủ tục III
Độ ẩm	507.1/Thủ tục II	507.2/Thủ tục II	507.3/Thủ tục II	-	-
Sương muối	-	509.2/Thủ tục I	509.3/Thủ tục I	509.4/Thủ tục I	509.5/Thủ tục I
Bụi	-	-	510.3/Thủ tục I	-	-
Rung xóc	514.2/Thủ tục VIII, X	514.3/ hàng 10	514.4/ hàng 10	514.5/ hàng 20,24	514.6/ hàng 20,24
Va đập	516.2/Thủ tục I, III, V	516.3/Thủ tục I, IV	516.4/Thủ tục I, IV	516.5/Thủ tục I, IV	516.6/Thủ tục I, IV